TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ GIA MẬP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày 06 – 6 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Lãm

Bà Nguyễn Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Ngọc Ánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 167/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXX-ST ngày 07 tháng 5 năm 2025 các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1996; cư trú: Thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước *(có mặt)*

Bị đơn: Ông Phạm Xuân T1, sinh năm 1990 "có đơn xin vắng mặt";

Nơi đăng ký thường trú: Số I, đường N, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước (hiện nay đang chấp hành án tại Trại Giam P; địa chỉ: ĐT G, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện khởi kiện đề ngày 25 tháng 3 năm 2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Phạm Xuân T1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã phường H, quận H, thành phố Hải Phòng theo giấy đăng ký kết hôn số 48 ngày 29 tháng 9 năm 2017 Trong thời gian chung sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau, ông T1 không quan tâm đến gia đình, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân

nhau từ năm 2023 đến nay. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông T1 .

Về con chung: Vợ chồng bà T, ông T2 có 01 người con chung là Phạm Thanh T3, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2018. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T3 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt cùng đề ngày 10 tháng 01 năm 2025 bị đơn ông Phạm Xuân T1 trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Xuân T1 và Nguyễn Thị Thùy T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận H, thành phố Hải Phòng theo giấy đăng ký kết hôn số 48 ngày 29 tháng 9 năm 2017. Trong thời gian chung sống vợ chồng có hạnh phúc, đế khi ông T1 bị bắt tạm giam thì vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn. Nay ông T1 xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông T1 không muốn ly hôn với bà T nhưng nếu bà T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn thì ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông T1 và bà T có 01 người con chung là Phạm Thanh T3, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2018. Khi ly hôn ông T1 đồng ý giao người co chung là Phạm Thanh T3 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

3. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung vụ án như sau:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Về các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà Ngyễn Thị Thùy T4 được ly hôn với ông Phạm Xuân T1.

Về con chung: Giao người con chung là Phạm Thanh T3, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2018 cho bà T4 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu T3 đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung*: Các đươn sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Xuân T1 theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn ông T1 cư trú tại xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Đối với bị đơn ông Phạm Xuân T1 có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 10 tháng 01 năm 2025. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt đối với ông T1 .

[3] Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận H, thành phố Hải Phòng vào ngày 29 tháng 9 năm 2017. Như vậy, hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1 với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nên bà T và ông T1 đã sống ly thân nhau từ năm 2023 đến nay. Như vậy, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng , quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình không đạt được, Vì vậy, mâu thuân gia đình đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu của bà T được ly hôn với ông T1 là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà T và ông T1 có 01 người con chung là Phạm Thanh T3, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2018; khi ly hôn bà T yêu cầu đươc trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu được nuôi con là quyền và nghĩa vụ của bà T và ông T1 đã được quy định tại Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên, đối với cháu Phạm Thanh T3 hiện nay đã trên 07 tuổi nên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai đối với cháu T3 thì cháu T3 có nguyện vọng được sống cùng với bà T. Do đó, cần tôn trọng quyền lựa chọn của cháu T3 theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Hôn nhân và Gia đình. Mặt khác, hiện nay ông T1 đang đi chấp hành án tại Trại Giam P nên không thể trực tiếp nuôi con chung. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần của cháu T3 nên cần giao cháu T3 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét do các đương sự không yêu cầu.

[6] Các vấn đề khác: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà T phải nộp theo quy của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, Điều 147, Điều 177, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vcác Điều 51, 56, 57, 58, 69, 81, 82 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu câu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với ông Phạm Xuân T1.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Thùy T5 và ông Phạm Xuân T1 chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. 2. *Về con chung*: Giao người con chung là cháu Phạm Thanh T3, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2018 cho bà T5 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến cháu T3 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Thời hạn giao con chung kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật này; yêu cầu người không trực tiế nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét do các đương sự không có yêu cầu.

4. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) bà T5 phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 nghìn đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008294 ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (01);*
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước (01);*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập (01);*
- *Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập 01);*
- *Các đương sự (03);*
- *Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (02);*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết